

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 9 – 2025

*V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Văn Mến

Ông Trần Hồng Ứng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Khánh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ C, sinh ngày 24/4/1986; Địa chỉ: Số nhà 467, đường P, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ hiện nay: Số nhà 87, đường T, phường P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Ngô Văn D, sinh ngày 18/02/1988; Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ hiện nay: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Văn T; Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ hiện nay: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị L; Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ hiện nay: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2024, biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 8 năm 2025 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ C trình bày:

Bà và ông Ngô Văn D kết hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân của ông bà hòa thuận, hạnh phúc. Đến thời gian sau, ông bà phát sinh mâu thuẫn thường gây cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 02 (hai) người con chung tên Ngô Tiến T, sinh ngày 10/7/2011 và Ngô Bá Th, sinh ngày 01/10/2018. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Võ Thị Mỹ C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn D.
- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Ngô Tiến T và Ngô Bá Th, bà không yêu cầu ông Ngô Văn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông bà có nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và nợ ông Ngô Văn T, bà Trần Thị L số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Tuy nhiên do số tiền nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được giải quyết xong theo Bản án số 141/2025/DS-PT ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và ông Ngô Văn T, bà Trần Thị L cũng không yêu cầu giải quyết về số tiền nợ nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 12 năm 2024, biên bản hòa giải ngày 01 tháng 4 năm 2025, bị đơn ông Ngô Văn Diện trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Mỹ C về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Mỹ C thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông đồng ý theo yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ C. Hai con chung sẽ giao cho bà Võ Thị Mỹ C trực tiếp nuôi dưỡng và ông không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà có tạo lập được 02 (hai) căn nhà, trong đó có 01 (một) căn nhà ở Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do bà Võ Thị Mỹ C đang quản lý sử dụng và 01 (một) căn nhà ở ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do ông đang quản lý sử dụng (hiện tại 02 (hai) căn nhà này đã thế chấp vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Đầu tư và Phát triển Việt Nam và đã được giải quyết bằng 01 (một) bản án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng). Ngoài ra ông bà còn tạo lập được tài sản chung là 04 (bốn) chiếc xe, trong đó có 03 (ba) chiếc xe tải và 01 (một) chiếc xe ô tô. Đối với các tài sản này, ông yêu cầu được chia đôi và ông

được nhận các hiện vật, ông sẽ hoàn 50% giá trị tài sản cho bà Võ Thị Mỹ C. Về nợ chung: Ông bà có nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến thời điểm này là 5.630.000.000 đồng (năm tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng), nợ ông Ngô Văn T và bà Trần Thị L số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Ông yêu cầu chia đôi khoản nợ để trả.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T, bà Trần thị L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với ông Ngô Văn D. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ) thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Ngô Văn D cư trú tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã T, Thành phố Cần Thơ) nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Ngô Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T, bà Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Võ Thị Mỹ

C, ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn T, bà Trần Thị L và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ Châu:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ C và ông Ngô Văn D tự nguyện kết hôn vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Mỹ C và ông Ngô Văn D là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Võ Thị Mỹ C có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Võ Thị Mỹ C cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2022, ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Ông bà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và hiện nay không còn chung sống cùng nhau. Tại biên bản hòa giải ngày 10/4/2025, bị đơn ông Ngô Văn D cũng thống nhất với bà Võ Thị Mỹ C về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ C thì ông cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông bà vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Mỹ C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Võ Thị Mỹ C được ly hôn với ông Ngô Văn D.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Võ Thị Mỹ C và ông Ngô Văn D sinh được 02 (hai) người con chung tên Ngô Tiến T (nam, sinh ngày 10/7/2011) và Ngô Bá Th (nam, sinh ngày 01/10/2018). Hiện nay cháu Ngô Tiến T đang sống chung với ông Ngô Văn D và cháu Ngô Bá Th đang sống chung với bà Võ Thị Mỹ C. Bà Võ Thị Mỹ C yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Tiến T, Ngô Bá Th cho đến khi cháu Ngô Tiến T, Ngô Bá Th thành niên. Xét thấy, hiện nay cháu Ngô Bá Th đang sống chung với bà Võ Thị Mỹ C. Cháu được chăm sóc tốt, phát triển khỏe mạnh bình thường. Nhằm đảm bảo cuộc sống cho cháu Ngô Bá Th ổn định về mọi mặt, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống. Việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển của cháu. Mặt khác tại biên bản lấy ý kiến ngày 29/7/2025, cháu Ngô Tiến T có nguyện vọng được sống chung với bà Võ Thị Mỹ C. Ông Ngô Văn D cũng thống nhất đối với yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ C. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho bà Võ Thị Mỹ C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ngô Tiến T và Ngô Bá Th cho đến khi cháu Ngô Tiến T và Ngô Bá Th thành niên (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Mỹ C khẳng định có khả năng, điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Tiến T, Ngô Bá Th và không yêu cầu ông Ngô Văn D cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Ngô Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Mỹ C và ông Ngô Văn D xác định trong thời gian chung sống, ông bà có tạo lập ra một số tài sản chung. Tại biên bản hòa giải ngày 10/4/2025, ông Ngô Văn D trình bày giữa ông và bà Võ Thị Mỹ C có tạo lập được một số tài sản chung gồm: 02 (hai) căn nhà, 03 (ba) chiếc xe tải và 01 (một) chiếc xe ô tô. Ông yêu cầu chia đôi tài sản chung, ông xin được nhận hiện vật và hoàn trả 50% giá trị tài sản cho bà Võ Thị Mỹ C. Tuy nhiên, Tòa án đã hướng dẫn và ban hành thông báo yêu cầu ông Ngô Văn D làm đơn yêu cầu, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông là có căn cứ và hợp pháp nhưng ông vẫn không thực hiện. Bên cạnh đó, nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ C yêu cầu sẽ tự thỏa thuận với ông Ngô Văn D, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3.5] Về nợ chung:

- Bà Võ Thị Mỹ C và ông Ngô Văn D xác định trong thời gian chung sống, ông bà có nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và nợ ông Ngô Văn T, bà Trần Thị L (cha mẹ của ông Ngô Văn D) số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Đối với số tiền nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 88/2024/DS-ST ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và Bản án dân sự phúc thẩm số 141/2025/DS-PT ngày 20/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, sự việc đã được giải quyết bằng bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Đối với số tiền nợ ông Ngô Văn T, bà Trần Thị L là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa ông Ngô Văn T, bà Trần Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, ông bà từ chối nhận văn bản tố tụng do Tòa án cấp, tổng đạt. Ông Ngô Văn T, bà Trần Thị L không yêu cầu độc lập trong vụ án này. Bà Võ Thị Mỹ C và ông Ngô Văn D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Võ Thị Mỹ C phải chịu tiền án

phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Ngô Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ C và ông Ngô Văn D được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Võ Thị Mỹ C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Ngô Tiến T (nam, sinh ngày 10/7/2011) và Ngô Bá Th (nam, sinh ngày 01/10/2018) cho đến khi cháu Ngô Tiến T và Ngô Bá Th thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Ngô Văn D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Ông Ngô Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Ngô Tiến T và Ngô Bá Th mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Mỹ C và ông Ngô Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ C, ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn T và bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Mỹ C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007108 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Cần Thơ). Bà Võ Thị Mỹ C đã nộp xong án phí. Ông Ngô Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Võ Thị Mỹ C, ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn T và bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Thị Lệ Hằng